Summary of Channel 17 -: Lat: 39-57-49.0 N Lon: 121-42-38.0 W ERP: 60.000 kW ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	Fac ID	City	Class	Type	ERP	Sep Typ	Status	Bearing	Dist	Clearan	D/U	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Co	Svc dB	Int Con	Int dBu	Old Pop	New Po	Total P	Old Pop	New Po	Ovl Pop	Ovl Pop	Ovl Pop	Ovl Pop	Ovl Pop
KVIQ*	42640	EUREK	DTV	LIC	1000.0	C/M	Interf	294.61	209.5	-182.8	2	14.0	2	UHF	17	Co	LR	F(50,90	39	F(50,10	18	0.0%	0.0%	119215	119215	119185	30	0.03	0.03	0.03	0.03
KVIQ-D	42640	EUREK	DTV	CP MO	30.000	C/M	Clean	294.64	209.5	-138.5	2	14.0	2	UHF	17	Co	LR	F(50,90	39	F(50,10	18	0.0%	0.0%	97158	97158	97158	0	0.00	0.00	0.00	0.00
KNVN	33745	CHICO	NTSC	LIC	5000.0	D/M	Interf	315.68	45.9	-54.1	-30	6.0	2	UHF	24 +	T+7	LR	F(50,50	64	-	-	0.0%	0.0%	303302	303302	303268	34	0.01	0.01	0.01	0.01
KIXE-T	47285	REDDI	DTV	LIC	183.80	C/M	Interf	312.01	106.8	-44.7	-48	14.0	2	UHF	18	A+1	LR	F(50,90	39	F(50,10	87	0.0%	0.4%	307500	307500	306260	1240	0.40	0.40	0.40	0.40
KIXE-D	47285	REDDI	DTV	CP	93.000	C/M	Interf	312.01	106.8	-41.9	-48	14.0	2	UHF	18	A+1	LR	F(50,90	39	F(50,10	87	0.0%	0.5%	292389	292389	290994	1395	0.48	0.48	0.48	0.48
K17CG	65120	UKIAH	LPTV	LIC	2.540	C/M	Clean	232.01	151.3	-36.0	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	0.0%	0.0%	1208	1208	1208	0	0.00	0.00	0.00	0.00
K61EN	27581	SUSAN	LPTV	CP	1.234	C/M	Clean	64.51	126.9	-3.2	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	0.0%	0.0%	11	11	11	0	0.00	0.00	0.00	0.00
K17BA	60735	YREKA	LPTV	LIC	1.190	C/M	Clean	337.53	198.7	-2.5	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	0.0%	0.0%	166	166	166	0	0.00	0.00	0.00	0.00
K18AO	33744	OROVI	LPTV	LIC	2.370	C/M	Clear	148.49	40.7	5.3	-3	6.0	0	UHF	18	A+1	LR	F(50,50	74	F(50,10	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	129444	CLOVE	LPTV	APP	1.500	C/M	Clear	221.21	168.2	42.1	28	6.0	0	UHF	17 Z	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K17CA	23029	CARSO	LPTV	LIC	20.500	C/M	Clear	113.84	189.1	50.0	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K16CX	60323	GRASS	LPTV	LIC	12.000	C/M	Clear	150.22	106.1	63.4	-13	6.0	0	UHF	16	A-1	LR	F(50,50	74	F(50,10	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K17EZ	5004	ROGUE	LPTV	LIC	1.310	C/M	Clear	336.74	299.1	99.7	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KAME-	19191	RENO	NTSC	LIC	631.000	D	Clear	103.85	168.8	136.8	-	-	2	UHF	21 +	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KMPH-	51489	MERCE	A	LIC	1.500	C/M	Clear	151.10	307.1	238.3	28	6.0	0	UHF	17 +	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	63	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K17DU	474	CHRIS	A	LIC	4.660	C/M	Clear	10.72	362.6	293.9	45	6.0	0	UHF	17	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KFTV	34439	HANFO	NTSC	LIC	5000.0	D	Clear	147.61	377.6	345.6	-	-	2	UHF	21 Z	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	125354	WALKE	LPTV	CP	1.774	C/M	Clear	118.19	309.1	999.0	45	6.0	0	UHF	17 -	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K17FR	125354	WALKE	LPTV	LIC	1.774	C/M	Clear	118.19	309.1	999.0	45	6.0	0	UHF	17 -	Co	LR	F(50,50	74	F(50,10	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K17EH	56149	EUREK	LPTV	LIC	0.007	C/M	Clear	285.99	227.1											F(50,10	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

O.E.T. BULLETIN No. 69 PARAMETERS

TERRAIN DATA: ENHANCED NGDC 3"
TERRAIN SPACING: 0.2 KM
MATRIX CELL SIZE: 30" (APPX 1 KM)
POPULATION: CENSUS 1990